

PHỤ LỤC 02: DANH SÁCH CÁC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

I. DANH SÁCH CÁC DVCTT HIỆN CÓ CỦA NHNN CẦN CHUYỂN ĐỔI VÀ CÁC YÊU CẦU NGHIỆP VỤ CỦA CÁC DVCTT

Đối với việc chuyển đổi các DVCTT hiện có của NHNN sang HTGQTTHC, cần đáp ứng các Quy trình nghiệp vụ như sau:

1. Nhóm DVC Chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số

TT	Tên DVC	Nghiệp vụ cơ bản
1.	Thủ tục bổ sung loại nghiệp vụ chứng thư số	- Tuân thủ theo Thông tư số 28/2015/TT-NHNN ngày 18/12/2015 quy định về việc quản lý chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của NHNN và Thông tư số 16/2023/TT-NHNN ngày 15/12/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-NHNN ngày 18/12/2015 quy định về việc quản lý chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của NHNN; Thông tư số 59/2025/TT-NHNN ngày 29/12/2025 quy định về việc cung cấp và sử dụng chữ ký điện tử chuyên dùng, chứng thư chữ ký điện tử chuyên dùng NHNN. - Tham chiếu CSDL Mã ngân hàng; - Tích hợp hệ thống LDAPCA để kiểm tra chữ ký số và cấp chứng thực; - Có khả năng tích hợp CSDL Dân cư để lấy thông tin công dân; - Người dùng được phân quyền có thể xem, tra cứu danh sách thông tin chứng thư số đang hoạt động/đã ngừng hoạt động của đơn vị mình (với NHNN và các Quỹ tín dụng) hoặc hệ thống mình (với các tổ chức tín dụng khác), Cán bộ quản trị DVC CTS có thể xem được toàn bộ danh sách thông tin chứng thư số NHNN đang hoạt động - Tích hợp hệ thống Email và SMS để trả kết quả bằng hình thức gửi thông báo (verification link, OTP) tới cán bộ đầu mối và người được cấp chứng thư theo số điện thoại và địa chỉ email mà đơn vị đăng ký. Trong đó: + File chứa nội dung thông báo được ký số (được sinh ra khi lãnh đạo ký phê duyệt kết quả xử lý) được đính kèm email gửi người dùng + Tin nhắn chứa thông báo kích hoạt CTS (nếu có).
	Thủ tục cấp chứng thư số	
2.	Thủ tục gia hạn chứng thư số	
3.	Thủ tục tạm dừng chứng thư số	
4.	Thủ tục khôi phục chứng thư số	
5.	Thủ tục thu hồi chứng thư số	
	Thủ tục hủy loại nghiệp vụ chứng thư số	
6.	Thủ tục thay đổi cấp khóa	
7.	Thủ tục đề nghị thay đổi mã kích hoạt chứng thư số	

2. Nhóm DVC về Mã Ngân hàng

TT	Tên DVC	Nhiệm vụ cơ bản
8.	Thủ tục điều chỉnh thông tin ngân hàng	- Tuân thủ theo Thông tư số 17/2015/TT-NHNN ngày 21/10/2015 quy định về hệ thống mã ngân hàng dùng trong hoạt động, nghiệp vụ ngân hàng và Thông tư số 18/2023/TT-NHNN ngày 28/12/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2015/TT-NHNN ngày 21/10/2015 quy định về hệ thống mã ngân hàng dùng trong hoạt động, nghiệp vụ ngân hàng; Thông tư số 11/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2015/TT-NHNN ngày 21/10/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hệ thống mã ngân hàng dùng trong hoạt động, nghiệp vụ ngân hàng
9.	Thủ tục hủy bỏ mã ngân hàng	- Hệ thống mã ngân hàng dùng trong hoạt động, nghiệp vụ ngân hàng; Thông tư 18/2026/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2015/TT-NHNN ngày 21/10/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hệ thống mã ngân hàng dùng trong hoạt động, nghiệp vụ ngân hàng
10.	Thủ tục cấp mã ngân hàng dùng trong hoạt động nghiệp vụ ngân hàng	- Hệ thống cho phép cấu hình quy tắc sinh mã theo quy định của NHNN. - Hệ thống tự động sinh mã ngân hàng theo quy tắc hoặc cho phép cán bộ nghiệp vụ thiết lập mã; Việc sinh mã được thực hiện khi hồ sơ được xử lý. - Khi giải quyết thủ tục điều chỉnh mã ngân hàng, hệ thống cho phép người dùng xem thông tin cũ và mới trên giao diện để tiện so sánh đối chiếu. các thông tin cũ và các mã ngân hàng đã hủy vẫn được lưu lại và trở thành dữ liệu lịch sử để phục vụ tra cứu. - Hệ thống cho phép theo dõi được lịch sử cấp, thay đổi thông tin, hủy,... của các mã ngân hàng; Các Mã Ngân hàng và các thông tin liên quan (trong phạm vi quy định) của đơn vị được cấp mã được lưu trữ phục vụ quản lý, tra cứu, chia sẻ, sử dụng và là 01 CSDL chuyên ngành của NHNN. - Thông báo mã Ngân hàng đăng tải trên Cổng DVC NHNN là file số hóa (được tự ký số khi trả kết quả xử lý hồ sơ TTHC)

3. Nhóm DVC về Thi đua khen thưởng

TT	Tên DVC	Nhiệm vụ cơ bản
11.	Thủ tục tặng thưởng danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc	- Tuân thủ theo Thông tư số 25/2023/TT-NHNN ngày 31/12/2023 quy định về công tác thi đua, khen thưởng ngành Ngân hàng.

TT	Tên DVC	Nhiệm vụ cơ bản
12.	Thủ tục tặng thưởng danh hiệu Cờ thi đua của Chính phủ	01. Thông tư 09/2025/TT-NHNN ngày 24/06/2025 Sửa đổi Thông tư 25/2023/TT-NHNN quy định về công tác thi đua, khen thưởng ngành Ngân hàng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành - Cho phép quản lý hồ sơ theo lô: + Phần mềm cho đọc dữ liệu (danh sách, thông tin cá nhân, tập thể) từ file excel mẫu: Đại diện tổ chức tín dụng/Chuyên viên NHNN upload file excel theo mẫu danh sách người/tổ chức đề nghị khen thưởng, hệ thống đọc và kiểm tra dữ liệu từ file excel mẫu, nếu dữ liệu hợp lệ thì import vào CSDL, nếu dữ liệu không hợp lệ thì chỉ rõ lỗi và vị trí lỗi trong File và trả về kết quả. + Sinh mã hồ sơ theo lô: Từ file excel danh sách cá nhân tập thể người dùng Upload thành công, nếu tổng số cá nhân + tập thể ≥ 2 thì hệ thống tự động sinh mã hồ sơ con tương ứng để tổng số hồ sơ = Tổng số cá nhân + tập thể để đồng bộ với cổng DVCQG. + Trong quá trình xử lý hồ sơ TĐKT đã được sinh mã theo lô, các hồ sơ con của lô cũng sẽ được cập nhật thông tin tương ứng về tiến trình xử lý và thông tin File hồ sơ, file kết quả xử lý để đồng bộ lên Cổng DVCQG + Cho phép hiển thị danh sách người/ tổ chức được đề xuất khen thưởng từ dữ liệu của file excel đã Upload lên giao diện - Cho phép quản lý quyết định khen thưởng: Thêm mới, sửa, xóa quyết định khen thưởng; Số hóa quyết định khen thưởng; Thêm mới loại quyết định khen thưởng; Tìm kiếm quyết định khen thưởng; Xem chi tiết quyết định; Tra cứu quyết định khen thưởng. - Nhập kết quả khen thưởng: + Trong giao diện xử lý hồ sơ, hệ thống cho phép người dùng xem danh sách người/ tổ chức được đề xuất khen thưởng và chọn người được khen thưởng từ nhóm đề xuất. Thực hiện thao tác nhập các kết quả khác nhau cho các cá nhân, tập thể khác nhau. + Cho phép thêm mới hoặc chọn quyết định khen thưởng cho nhóm trong danh sách cá nhân tập thể trong hồ sơ.
13.	Thủ tục tặng thưởng Huân chương các loại các hạng	
14.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	
15.	Thủ tục tặng thưởng Huy chương	
16.	Thủ tục tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lao động	
17.	Thủ tục tặng thưởng danh hiệu Chiến sĩ thi đua ngành NH	
18.	Thủ tục tặng thưởng danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc	
19.	Thủ tục tặng thưởng danh hiệu Cờ thi đua của NHNN	
20.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Thống đốc	
21.	Thủ tục tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp NHVN	

TT	Tên DVC	Nghịệp vụ cơ bản
		Đường dẫn file kết quả sẽ được gán tương ứng với hồ sơ của cá nhân/tập thể đó. + Cho phép chọn người không được khen thưởng từ nhóm đề xuất; Cập nhật lý do không được khen thưởng cho từng cá nhân hoặc 1 nhóm cá nhân tập thể - Cho phép quản lý các danh mục khác như: Bộ phận xử lý, Chức vụ, Danh hiệu thi đua, Hình thức khen thưởng,....

4. Nhóm DVC của Vụ Thanh toán

STT	Tên DVC	Nghịệp vụ cơ bản
22.	Thủ tục đăng ký mẫu séc trắng	Tuân thủ theo Thông tư 22/2015/TT-NHNN ngày 20/11/2015 quy định hoạt động cung ứng và sử dụng séc và các quy định chung về luân chuyển, xử lý hồ sơ DVC trực tuyến theo quy định của Chính Phủ và Bộ TTTT; Thông tư 20/2026/TT-NHNN ngày 19/05/2026 sửa đổi Thông tư 22/2015/TT-NHNN quy định hoạt động cung ứng và sử dụng séc; các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế liên quan.
23.	Thủ tục cấp mã tổ chức phát hành thẻ ngân hàng cho các tổ chức phát hành thẻ (gọi tắt là mã BIN)	Tuân thủ theo Thông tư 26/2019/TT-NHNN ngày 23/12/2019 và các quy định chung về luân chuyển, xử lý hồ sơ DVC trực tuyến theo quy định của Chính Phủ và Bộ TTTT; Thông tư 12/2026/TT-NHNN ngày 19/5/2026 Sửa đổi Quyết định 38/2007/QĐ-NHNN về Quy chế cấp, sử dụng và quản lý mã tổ chức phát hành thẻ ngân hàng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành; các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế liên quan

5. Nhóm DVC liên thông với hệ thống thông tin một cửa quốc gia

TT	Tên DVC	Nhiệm vụ cơ bản
24.	Chấp thuận hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt của các ngân hàng được phép	Đây là các DVC tích hợp Hải quan một cửa (VNSW), có tham chiếu CSDL Mã ngân hàng và thực hiện theo quy trình lần lượt như sau: - Hệ thống VNSW gửi thông tin hồ sơ của TCTD, Doanh nghiệp tới HTGQTTHC của NHNN. - HTGQTTHC NHNN tiếp nhận hồ sơ và gửi phản hồi bản tin đã nhận thông tin hồ sơ tới VNSW để thay đổi trạng thái hồ sơ trên VNSW - HTGQTTHC NHNN xử lý hồ sơ và gửi trả kết quả về hệ thống VNSW
25.	Thủ tục cấp phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ	- Hệ thống VNSW sau khi tiếp nhận bản tin kết quả xử lý hồ sơ => gửi trả lại bản tin xác nhận về HTGQTTHC NHNN để thay đổi trạng thái hồ sơ trên DVC. - TCTD, Doanh nghiệp tra cứu kết quả xử lý trên Cổng NSW => Kết thúc quy trình kết nối, xử lý kỹ thuật.

II. DANH SÁCH TTHC DỰ KIẾN NÂNG CẤP LÊN DVCTT (CĂN CỨ THEO QUYẾT ĐỊNH 3096/QĐ-NHNN)

1.1. DANH MỤC TTHC ƯU TIÊN NÂNG CẤP LÊN DVCTT TOÀN TRÌNH

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
1.	1.000122	Thủ tục đăng ký tài khoản truy cập Trang điện tử quản lý vay, trả nợ nước ngoài không được Chính phủ bảo lãnh	Cục QLNH	Cục QLNH, NHNN Khu vực	Thông tư 12/2022/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
1.	1.000111	Thủ tục đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh	Cục QLNH	Cục QLNH, NHNN Khu vực	Thông tư 12/2022/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
2.	1.000972	Thủ tục đăng ký khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh	Cục QLNH	Cục QLNH, NHNN Khu vực	Thông tư 12/2022/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
3.	1.000586	Thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ	Cục QLNH	NHNN Khu vực	Thông tư 24/2022/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
4.	1.000186	Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ	Cục QLNH	NHNN Khu vực	Thông tư 24/2022/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
5.	2.000085	Thủ tục xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư không phải là Tổ chức tín dụng	Cục QLNH	NHNN Khu vực	Thông tư 24/2022/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
6.	1.000195	Thủ tục xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư không phải là Tổ chức tín dụng	Cục QLNH	NHNN Khu vực	Thông tư 24/2022/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
7.	1.000541	Thủ tục chấp thuận gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế	Cục QLNH	NHNN Khu vực	Thông tư 24/2022/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
8.	1.000555	Thủ tục chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế	Cục QLNH	NHNN Khu vực	Thông tư 24/2022/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
9.	1.003338	Thủ tục chấp thuận thay đổi, bổ sung trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế	Cục QLNH	NHNN Khu vực	Thông tư 24/2022/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
10.	1.003331	Thủ tục chấp thuận thay đổi, bổ sung đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế	Cục QLNH	NHNN Khu vực	Thông tư 24/2022/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
11.	1.000116	Thủ tục đăng ký thay đổi thông tin tài khoản truy cập Trang điện tử quản lý vay, trả nợ nước ngoài không được Chính phủ bảo lãnh	Cục QLNH	NHNN Khu vực	Thông tư 12/2022/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
12.	1.002089	Thủ tục cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép để phục vụ hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của tổ chức tín dụng được phép, tổ chức kinh tế	Cục QLNH	Cục QLNH	Thông tư 39/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
13.	1.000405	Đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài/khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh	Cục QLNH	Cục QLNH	Thông tư 22/2013/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
14.	1.000859	Thủ tục đăng ký khoản vay nước ngoài/khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh	Cục QLNH	Cục QLNH	Thông tư 22/2013/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
15.	1.003463	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi đại lý đổi ngoại tệ	Cục QLNH	NHNN Khu vực	Thông tư 11/2016/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
16.	1.000107	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài	Cục QLNH	NHNN Khu vực	Thông tư 24/2022/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
17.	2.000899	Thủ tục chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam	Cục QLNH	Cục QLNH	Thông tư 32/2013/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
18.	1.000125	Thủ tục đăng ký thay đổi khoản cho vay nước ngoài của tổ chức tín dụng	Cục QLNH	Cục QLNH	Thông tư 79/2025/TT-NHNN
19.	2.000077	Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ	Cục QLNH	NHNN Khu vực	Thông tư 38/2015/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
20.	1.000526	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đối ngoại tệ	Cục QLNH	NHNN Khu vực	Thông tư 11/2016/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
21.	1.001579	Thủ tục đề nghị thay đổi mức vốn điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân	Cục ATHTCTCTD	NHNN Khu vực	Thông tư 73/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
22.	1.001559	Thủ tục chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến của quỹ tín dụng nhân dân	Cục ATHTCTCTD	NHNN Khu vực	Thông tư 73/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
23.	1.001616	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân	Cục ATHTCTCTD	NHNN Khu vực	Thông tư 73/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
24.	1.001621	Thủ tục chấp thuận thay đổi địa chỉ nhưng không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của Quỹ tín dụng nhân dân	Cục ATHTCTCTD	NHNN Khu vực	Thông tư 73/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
25.	1.001627	Thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của quỹ tín dụng nhân dân	Cục ATHTCTCTD	NHNN Khu vực	Thông tư 73/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
26.	2.001316	Thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư 73/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
27.	1.002167	Thủ tục chấp thuận cho ngân hàng thương mại tự nguyện chấm dứt hoạt động phòng giao dịch	Cục ATHTCTCTD	NHNN Khu vực	Thông tư 61/2025/TT-NHNN; Thông tư 08/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản này

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
28.	1.000194	Thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch trong phạm vi địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Cục ATHTCTCTD	NHNN Khu vực	Thông tư 61/2025/TT-NHNN; Thông tư 08/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản này
29.	1.000206	Chấp thuận thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch của ngân hàng thương mại	Cục ATHTCTCTD	NHNN Khu vực	Thông tư 61/2025/TT-NHNN; Thông tư 08/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản này
30.	2.000722	Thủ tục chấp thuận tăng mức vốn điều lệ của ngân hàng thương mại cổ phần	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư 50/2025/TT-NHNN
31.	1.001201	Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện	Cục ATHTCTCTD	NHNN Khu vực	Thông tư 43/2015/TT-NHNN; 08/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản này

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
32.	1.000756	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán	Vụ Thanh toán	Vụ Thanh toán	Nghị định 52/2024/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
33.	1.001317	Thủ tục Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước của Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước	Vụ Thanh toán	Sở GD, NHNN Khu vực	Nghị định 52/2024/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này

1.2. DANH MỤC ĐỦ ĐIỀU KIỆN NÂNG CẤP LÊN DVCTT TOÀN TRÌNH NĂM 2025

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
34.	1.000216	Thủ tục cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ và hoạt động ngoại hối khác (đối với doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng) dành cho người nước ngoài	Cục QLNH	Cục QLNH	Nghị định 121/2021/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
35.	1.010740	Thủ tục cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác (đối với doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng)	Cục QLNH	Cục QLNH	Nghị định 121/2021/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
36.	1.000823	Thủ tục chuyển đổi Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác (đối với doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài)	Cục QLNH	Cục QLNH	Nghị định 121/2021/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
37.	1.001804	Thủ tục đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí	Cục QLNH	NHNN Khu vực	Nghị định 132/2024/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
38.	1.001811	Thủ tục đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí	Cục QLNH	NHNN Khu vực	Nghị định 132/2024/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
39.	1.001083	Thủ tục đăng ký hạn mức tự doanh	Cục QLNH	Cục QLNH	Thông tư 10/2016/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
40.	1.001066	Thủ tục đăng ký hạn mức nhận ủy thác	Cục QLNH	Cục QLNH	Thông tư 10/2016/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
41.	2.000223	Cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác(đối với doanh nghiệp kinh doanh casino)	Cục QLNH	Cục QLNH, NHNN Khu vực	Nghị định 03/2017/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
42.	1.001207	Đăng ký thay đổi khoản phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh	Cục QLNH	Cục QLNH	Thông tư 10/2022/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
43.	1.001174	Thủ tục đăng ký khoản phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh	Cục QLNH	Cục QLNH	Thông tư 10/2022/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
44.	1.000202 [VTH(1)]	Thủ tục xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư là Tổ chức tín dụng	Cục QLNH	Cục QLNH	
45.	2.000089 [VTH(2)]	Thủ tục xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư là Tổ chức tín dụng	Cục QLNH	Cục QLNH	
46.	1.000163	Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để phục vụ hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của tổ chức kinh tế	Cục QLNH	Cục QLNH	Thông tư 39/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
47.	1.002614	Thủ tục cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để thực hiện cam kết, thỏa thuận, hợp đồng với bên nước ngoài (không bao gồm việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện khoản vay nước ngoài theo yêu cầu của bên cho vay nước ngoài)	Cục QLNH	Cục QLNH	Thông tư 39/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
48.	1.000144	Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để phục vụ việc thực hiện khoản vay nước ngoài của bên đi vay nước ngoài	Cục QLNH	Cục QLNH	Thông tư 39/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
49.	1.001961	Thủ tục cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để thực hiện khoản vay nước ngoài của bên đi vay nước ngoài	Cục QLNH	Cục QLNH	Thông tư 39/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
50.	1.002004	Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để phục vụ việc thực hiện cam kết, thỏa thuận, hợp đồng với bên nước ngoài (không bao gồm việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện khoản vay nước ngoài theo yêu cầu của bên cho vay nước ngoài)	Cục QLNH	Cục QLNH	Thông tư 39/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
51.	1.002034	Thủ tục cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để đáp ứng các điều kiện xin cấp phép thành lập và hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài của tổ chức tín dụng được phép, tổ chức kinh tế	Cục QLNH	Cục QLNH	Thông tư 39/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
52.	1.000176	Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để đáp ứng các điều kiện xin cấp phép thành lập và hoạt động cho chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của tổ chức kinh tế	Cục QLNH	Cục QLNH	Thông tư 39/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
53.	1.001952	Thủ tục cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của doanh nghiệp đầu tư đặc biệt quan trọng theo chương trình của Chính phủ; doanh nghiệp đầu tư dưới hình thức đối tác công tư (PPP) mở tài khoản để thực hiện cam kết với bên nước ngoài	Cục QLNH	Cục QLNH	Thông tư 39/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
54.	1.000191	Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để phục vụ cho hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của tổ chức tín dụng được phép	Cục QLNH	Cục QLNH	Thông tư 39/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
55.	1.000199	Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để đáp ứng các điều kiện xin cấp phép thành lập và hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài của tổ chức tín dụng được phép (mã TTHC:	Cục QLNH	Cục QLNH	Thông tư 39/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
56.	2.001357	Thủ tục cho phép gia hạn thực hiện các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và quốc tế	Cục QLNH	Cục QLNH, NHNN Khu vực	Thông tư 75/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
57.	1.000581	Thủ tục chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế	Cục QLNH	NHNN Khu vực	Thông tư 24/2022/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
58.	1.000569	Thủ tục chấp thuận gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế	Cục QLNH	NHNN Khu vực	Thông tư 24/2022/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
59.	2.000074	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái sản xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài	Cục QLNH	NHNN Khu vực	Thông tư 24/2022/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
60.	2.000391	Thủ tục chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	Cục QLNH	Cục QLNH	Thông tư 34/2015/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
61.	1.001337	Thủ tục đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài của tổ chức kinh tế	Cục QLNH	Cục QLNH	Thông tư 37/2013/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
62.	1.001475	Thủ tục đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài của tổ chức kinh tế	Cục QLNH	Cục QLNH	Thông tư 37/2013/TT-NHNN, 29/2015/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản này
63.	2.000083	Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng	Cục QLNH	Cục QLNH	Thông tư 34/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
64.	1.000129	Thủ tục đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài của tổ chức tín dụng	Cục QLNH	Cục QLNH	Thông tư 79/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
65.	1.007957	Thủ tục đề nghị cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố là đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố	Cục ATHTCTCTD	NHNN Khu vực	Thông tư số 34/2024/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
66.	1.001157	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Nghị định 58/2021/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
67.	2.000290	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng của Công ty thông tin tín dụng	Cục ATCTTD	Cục QLGS	Nghị định 133/2024/NĐ-CP (sửa đổi Nghị định 58/2021/NĐ-CP) và các

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
					văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
68.	2.000055	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và hoạt động quỹ tín dụng nhân dân	Cục ATHTCTCTD	NHNN Khu vực	Thông tư 01/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
69.	1.003037	Thủ tục thu hồi Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân giải thể tự nguyện	Cục ATHTCTCTD	NHNN Khu vực	Thông tư 10/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
70.	1.014147	Thủ tục đề nghị chấp thuận giải thể tự nguyện và phê duyệt phương án thanh lý tài sản quỹ tín dụng nhân dân	Cục ATHTCTCTD	NHNN Khu vực	Thông tư 10/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
71.	1.003076	Thủ tục đề nghị chấp thuận tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân	Cục ATHTCTCTD	NHNN Khu vực	Thông tư 10/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
					đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
72.	1.001556	Thủ tục gia hạn thời hạn thanh lý tài sản quỹ tín dụng nhân dân	Cục ATHTCTCTD	NHNN Khu vực	Thông tư 10/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
73.	1.003051	Thủ tục đề nghị chấp thuận nguyên tắc sáp nhập, hợp nhất quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt	Cục ATHTCTCTD	NHNN Khu vực	Thông tư 10/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
74.	1.014148	Thủ tục đề nghị chấp thuận sáp nhập, hợp nhất quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt	Cục ATHTCTCTD	NHNN Khu vực	Thông tư 10/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
75.	1.007794	Thủ tục thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô	Cục ATHTCTCTD	NHNN Khu vực	Thông tư 19/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
					đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
76.	1.007770	Thủ tục đề nghị chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư 19/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
77.	1.007771	Thủ tục đề nghị chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư 19/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
78.	1.003151	Thủ tục chấp thuận dự kiến nhân sự bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh Ngân hàng nước ngoài	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS, NHNN Khu vực	Thông tư 20/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
79.	2.000733	Thủ tục chấp thuận thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại trong trường hợp không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở và sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư 50/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
80.	2.000745	Thủ tục chấp thuận thay đổi tên và sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi tên của ngân hàng thương mại	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư 50/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
81.	1.012683	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung tăng mức vốn điều lệ của ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn do chủ sở hữu, thành viên góp vốn cấp thêm hoặc từ vốn góp của thành viên góp vốn mới	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư 50/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
82.	1.003241	Thủ tục chấp thuận tăng mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư 49/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
					đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
83.	1.003072	Thủ tục chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cho bên mua, bên nhận chuyển nhượng là chủ sở hữu mới	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư 49/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
84.	1.001898	Thủ tục chấp thuận mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư 49/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
85.	1.001300	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện hoạt động tại địa điểm mới đối với phòng giao dịch bưu điện thay đổi địa điểm	Cục ATHTCTCTD	NHNN Khu vực	Thông tư 27/2022/TT-NHNN; 08/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản này

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
86.	1.001635	Thủ tục chấp thuận thay đổi tên của quỹ tín dụng nhân dân	Cục ATHTCTCTD	NHNN Khu vực	Thông tư 73/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản này
87.	1.001605	Thủ tục chấp thuận thay đổi thời hạn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân	Cục ATHTCTCTD	NHNN Khu vực	Thông tư 73/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản này
88.	1.012696	Thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với địa bàn hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân do chia, tách, thay đổi tên địa giới hành chính	Cục ATHTCTCTD	NHNN Khu vực	Thông tư 73/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản này
89.	1.001644	Thủ tục chấp thuận Danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản trị, trưởng ban và thành viên khác của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của Ngân hàng hợp tác xã.	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư 73/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản này

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
90.	1.001689	Thủ tục chấp thuận thay đổi địa chỉ nhưng không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của Ngân hàng hợp tác xã	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư 73/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản này
91.	1.001707	Thủ tục chấp thuận thay đổi tên của Ngân hàng Hợp tác xã	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư 73/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản này
92.	1.001697	Thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng hợp tác xã	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư 73/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản này
93.	1.001670	Thủ tục chấp thuận thay đổi thời hạn hoạt động của ngân hàng hợp tác xã	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư 73/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản này

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
94.	1.012698	Thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với địa bàn hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân do thu hẹp địa bàn hoạt động	Cục ATHTCTCTD	NHNN Khu vực	Thông tư 73/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản này
95.	1.001569	Thủ tục chấp thuận tạm ngừng giao dịch từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng giao dịch do sự kiện bất khả kháng của Quỹ tín dụng nhân dân	Cục ATHTCTCTD	NHNN Khu vực	Thông tư 73/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản này
96.	2.001399	Thủ tục chấp thuận đủ điều kiện thành lập chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư 61/2025/TT-NHNN; 08/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản này
97.	2.001392	Thủ tục chấp thuận đủ điều kiện thành lập phòng giao dịch của ngân hàng thương mại	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư 61/2025; 08/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
					sung, thay thế các văn bản này
98.	1.000394	Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại	Cục ATHTCTCTD	NHNN Khu vực	Thông tư 61/2025; 08/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản này
99.	1.012748	Thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Cục ATHTCTCTD	NHNN Khu vực	Thông tư 61/2025; 08/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản này
100.	1.003334	Thủ tục chấp thuận thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư 61/2025; 08/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản này

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
101.	1.001762	Thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên hội đồng thành viên, thành viên ban kiểm soát, tổng giám đốc (giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư 54/2025/TT-NHNN Thông tư 61/2025; 08/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản này
102.	1.001815	Thủ tục cấp Giấy phép đối với tổ chức tài chính vi mô	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư 54/2025/TT-NHNN Thông tư 61/2025; 08/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản này
103.	1.001256	Thủ tục nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần dẫn đến mức sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng Việt Nam	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư 38/2014/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
104.	2.000738	Thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư 50/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
105.	1.001567	Thủ tục chấp thuận tăng mức vốn điều lệ và sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung vốn điều lệ của ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn trong trường hợp tăng vốn điều lệ từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, lợi nhuận lũy kế chưa phân phối và các quỹ khác theo quy định của pháp luật	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư 50/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
106.	2.000690	Thủ tục chấp thuận mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến tổ chức, cá nhân trở thành cổ đông lớn của ngân hàng thương mại cổ phần trong trường hợp ngân hàng thương mại cổ phần không tăng mức vốn điều lệ hoặc tăng mức vốn điều lệ mà tổ chức, cá nhân đó không thuộc danh sách cổ đông mua cổ phần của ngân hàng	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư 50/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
		thương mại cổ phần tại điểm d khoản 1 Điều 12 Thông tư 50/2018/TT-NHNN đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận			
107.	1.012682	Thủ tục chấp thuận tăng mức vốn điều lệ của ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn do chủ sở hữu, thành viên góp vốn cấp thêm hoặc từ vốn góp của thành viên góp vốn mới	Cục ATHTCTCTD	Cục GLGS	Thông tư 50/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
108.	2.000728	Thủ tục chấp thuận gia hạn thời hạn hoạt động và sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung gia hạn thời hạn hoạt động của ngân hàng thương mại	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư 50/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
109.	2.000570	Thủ tục chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý tổ chức tín dụng	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư 62/2024/TT-NHNN và các văn bản sửa

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
					đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
110.	2.001242	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng liên doanh, ngân hàng vốn 100% nước ngoài sau khi chấp thuận nguyên tắc	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư số 12/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
111.	1.014153	Thủ tục đề nghị chấp thuận nguyên tắc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư số 12/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
112.	2.000835	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài sau khi chấp thuận nguyên tắc	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư số 12/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
113.	1.014154	Thủ tục đề nghị chấp thuận nguyên tắc cấp Giấy phép thành lập chi nhánh nước ngoài	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư số 12/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
					đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
114.	2.001246	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần sau khi chấp thuận nguyên tắc	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư số 12/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
115.	1.014152	Thủ tục đề nghị chấp thuận nguyên tắc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư số 12/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
116.	2.000827	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện nước ngoài	Cục ATHTCTCTD	NHNN Khu vực	Thông tư số 12/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
117.	2.000438	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư số 12/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
					đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
118.	1.014151	Thủ tục đề nghị chấp thuận nguyên tắc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư số 12/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
119.	2.000784	Thủ tục chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư số 60/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
120.	1.012674	Thủ tục phê duyệt Phương án xử lý để đảm bảo đáp ứng các điều kiện được hoạt động liên xã; chấm dứt hoạt động tại các xã liên kề, không liên kề của quỹ tín dụng nhân dân	Cục ATHTCTCTD	NHNN Khu vực	Thông tư số 29/2024/TT-NHNN; 08/2025/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản này

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
121.	1.007956	Thủ tục đề nghị cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng	Cục ATHTCTCTD	Cục QLGS	Thông tư số 34/2024/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
122.	1.000867	Thủ tục đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ của tổ chức tín dụng	Vụ CSTT	Vụ TDCNKT	Thông tư 08/2022/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
123.	1.012521	Thủ tục đóng tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước của Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước	Vụ Thanh toán	Sở giao dịch, NHNN Khu vực	Nghị định 52/2024/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
124.	1.002031	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (trong các trường hợp: hết hạn; bị thu hồi; sửa đổi; bổ sung và bị mất, bị hư hỏng không sử dụng được	Vụ Thanh toán	Vụ Thanh toán	Nghị định 52/2024/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đơn vị ban hành VBQPPL	Đơn vị giải quyết TTHC	VBQPPL quy định TTHC
125.	1.012519	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán	Vụ Thanh toán	Vụ Thanh toán	Nghị định 52/2024/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này
126.	1.000134	Thủ tục mở tài khoản lưu ký giấy tờ có giá đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước	Sở GD	Sở GD	Thông tư 09/2026/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này

1.3. DANH MỤC TTHC TIẾP TỤC TÁI CẤU TRÚC ĐỂ NÂNG CẤP DVCTT

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực
127.	1.013693	Thủ tục Đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoàn thành Cơ chế thử nghiệm	Hoạt động thanh toán
128.	1.013692	Thủ tục Đề nghị gia hạn thời gian thử nghiệm	Hoạt động thanh toán

129.	1.013689	Thủ tục đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm đối với giải pháp cho vay ngang hàng	Hoạt động thanh toán
130.	1.013691	Thủ tục Đề nghị dừng thử nghiệm và thu hồi Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm	Hoạt động thanh toán
131.	1.013690	Thủ tục đề nghị điều chỉnh giải pháp thử nghiệm	Hoạt động thanh toán
132.	1.013688	Thủ tục đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm đối với giải pháp chấm điểm tín dụng, chia sẻ dữ liệu qua giao diện lập trình ứng dụng mở (Open API)	Hoạt động thanh toán
133.	1.012919	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi trụ sở chính của ngân hàng thương mại	Thành lập và hoạt động ngân hàng
134.	1.012747	Thủ tục chấp thuận đủ điều kiện chuyển đổi hình thức pháp lý ngân hàng con ở nước ngoài	Thành lập và hoạt động ngân hàng
135.	1.012681	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung tăng mức vốn điều lệ của ngân hàng thương mại cổ phần	Thành lập và hoạt động ngân hàng
136.	1.012517	Thủ tục gia hạn văn bản hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng	Hoạt động thanh toán
137.	1.012518	Thủ tục thu hồi văn bản chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng	Hoạt động thanh toán

138.	1.012516	Thủ tục chấp thuận bằng văn bản hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng	Hoạt động thanh toán
139.	1.012302	Thủ tục đề nghị sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam	Hoạt động kho quỹ
140.	1.011421	Thủ tục tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam	Hoạt động tiền tệ
141.	1.010739	Thủ tục chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước của ngân hàng thương mại	Thành lập và hoạt động ngân hàng
142.	1.010227	Thủ tục chấp thuận cho ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo phương pháp định tính	Thành lập và hoạt động ngân hàng
143.	1.010067	Thủ tục tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19	Hoạt động tiền tệ
144.	1.010045	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng	Hoạt động thông tin tín dụng
145.	1.009183	Thủ tục thu hồi Giấy phép đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại điểm d khoản 1 Điều 1 Thông tư 63/2024/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng

146.	1.007955	Thủ tục tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng đối với tổ chức tín dụng nhằm hỗ trợ nguồn vốn cho vay ngành, lĩnh vực được khuyến khích phát triển	Hoạt động tiền tệ
147.	1.003277	Thủ tục cho phép gia hạn thực hiện các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và quốc tế của Ngân hàng Chính sách Xã hội	Hoạt động ngoại hối
148.	2.001348	Thủ tục cho phép gia hạn thực hiện các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và quốc tế của Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Hoạt động ngoại hối
149.	1.003107	Thủ tục đề nghị chiết khấu giấy tờ có giá theo phương thức gián tiếp	Hoạt động tiền tệ
150.	1.003008	Thủ tục đề nghị cấp mới và thu hồi mã khóa truy cập, mã chữ ký điện tử tham gia nghiệp vụ chiết khấu tại NHNN.	Hoạt động tiền tệ
151.	1.002988	Thủ tục gia hạn thời hạn thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Thành lập và hoạt động ngân hàng
152.	1.002281	Thủ tục nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần và trở thành nhà đầu tư chiến lược nước ngoài của tổ chức tín dụng Việt Nam	Thành lập và hoạt động ngân hàng
153.	1.002005	Thủ tục thông báo thay đổi người đại diện giao dịch mua, bán vàng miếng với Ngân hàng Nhà nước của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp	Hoạt động ngoại hối

154.	1.001996	Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của doanh nghiệp thuộc diện đầu tư đặc biệt quan trọng theo chương trình của Chính phủ; doanh nghiệp đầu tư dưới hình thức đối tác công tư (PPP) mở tài khoản để phục vụ việc thực hiện cam kết với bên nước ngoài	Hoạt động ngoại hối
155.	1.001827	Thủ tục đề nghị chấp thuận chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước đầu tư	Hoạt động ngoại hối
156.	2.000701	Thủ tục chấp thuận mua bán, chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của chủ sở hữu tại ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Thành lập và hoạt động ngân hàng
157.	1.001541	Thủ tục chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp tại ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Thành lập và hoạt động ngân hàng
158.	1.001540	Thủ tục vay tái cấp vốn theo hình thức có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng	Hoạt động tiền tệ
159.	1.001316	Thủ tục đóng tài khoản lưu ký giấy tờ có giá đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước	Hoạt động tiền tệ
160.	1.001285	Chấp thuận thay đổi giấy tờ có giá đang cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước	Hoạt động tiền tệ
161.	1.001262	Thủ tục chấp thuận sáp nhập tổ chức tín dụng	Thành lập và hoạt động ngân hàng

162.	1.001244	Thủ tục nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần dẫn đến mức sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên hoặc mua thêm cổ phần khi nhà đầu tư nước ngoài đã sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng Việt Nam	Thành lập và hoạt động ngân hàng
163.	2.000597	Thủ tục chấp thuận hợp nhất tổ chức tín dụng	Thành lập và hoạt động ngân hàng
164.	2.000561	Thủ tục đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đối với các trường hợp đầu tư khác quy định tại Điều 9 Nghị định số 135/2015/NĐ-CP	Hoạt động ngoại hối
165.	1.001105	Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đối với tổ chức tự doanh là ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp	Hoạt động ngoại hối
166.	2.000542	Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đối với tổ chức nhận ủy thác là ngân hàng thương mại	Hoạt động ngoại hối
167.	1.001081	Thủ tục chấp thuận tạm ngừng giao dịch từ 05 ngày làm việc trở lên (trừ trường hợp tạm ngừng giao dịch do sự kiện bất khả kháng) của ngân hàng thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Thành lập và hoạt động ngân hàng
168.	2.000523	Thủ tục đăng ký hạn mức tự doanh tạm thời	Hoạt động ngoại hối
169.	1.000789	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đối với tổ chức tự doanh là ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp	Hoạt động ngoại hối

170.	2.000352	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đối với tổ chức nhận ủy thác là ngân hàng thương mại	Hoạt động ngoại hối
171.	1.000687	Chấp thuận gia hạn khoản vay cầm cố giấy tờ có giá tại tổ chức tín dụng	Hoạt động tiền tệ
172.	1.000500	Cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác (đối với doanh nghiệp kinh doanh casino)	Hoạt động ngoại hối
173.	1.000480	Chuyển đổi Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác(đối với doanh nghiệp kinh doanh casino)	Hoạt động ngoại hối
174.	1.000355	Thủ tục đề nghị chiết khấu giấy tờ có giá theo phương thức trực tiếp	Hoạt động tiền tệ
175.	1.000352	Thủ tục đăng ký thiết lập quan hệ giao dịch hối đoái với NHNN của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Hoạt động ngoại hối
176.	2.000092	Thủ tục đăng ký hạn mức nhận ủy thác tạm thời	Hoạt động ngoại hối
177.	1.000205	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng tại Việt Nam	Hoạt động ngoại hối
178.	1.000155	Đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng cho doanh nghiệp	Hoạt động ngoại hối
179.	1.000812	Thủ tục chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	Hoạt động ngoại hối

180.	1.002017	Thủ tục thiết lập/thiết lập lại quan hệ giao dịch mua, bán vàng miếng với Ngân hàng Nhà nước	Hoạt động ngoại hối
181.	1.002421	Thủ tục cho phép mang tiền của nước có chung biên giới vào các tỉnh nội địa	Hoạt động ngoại hối
182.	1.014314	Thủ tục chấp thuận cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài áp dụng phương pháp xếp hạng nội bộ.	Thành lập và hoạt động ngân hàng
183.	1.002020	Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để tiếp nhận viện trợ, tài trợ nước ngoài hoặc các trường hợp khác được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép của các cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện của Việt Nam hoạt động tại Việt Nam	Hoạt động ngoại hối
184.	2.000687	Thủ tục cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép để tiếp nhận viện trợ của nước ngoài hoặc các trường hợp khác được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép của cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện của Việt Nam hoạt động tại Việt Nam	Hoạt động ngoại hối
185.	1.013650	Thủ tục cấp bản sao Giấy Phép từ sổ gốc Giấy phép thành lập và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân	

186.	1.012697	Thủ tục chấp thuận thu hẹp địa bàn hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân	Thành lập và hoạt động ngân hàng
187.	1.001651	Thủ tục chấp thuận tạm ngừng giao dịch từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng giao dịch do sự kiện bất khả kháng của Ngân hàng hợp tác xã	Thành lập và hoạt động ngân hàng
188.	1.001660	Thủ tục đề nghị thay đổi mức vốn điều lệ của Ngân hàng Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động ngân hàng
189.	1.012675	Thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân sau khi hoàn thành phương án xử lý đã được phê duyệt để chấm dứt hoạt động tại các xã liên kề, không liên kề, xã ngoài phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Thành lập và hoạt động ngân hàng
190.	1.003085	Thủ tục đề nghị chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân	Thành lập và hoạt động ngân hàng
191.	1.001986	Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô	Thành lập và hoạt động ngân hàng